

*

Số 82 - BC/HU

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện Công văn số 411-CV/BTCTU ngày 07/7/2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng v/v “*Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị*”, Huyện ủy Đức Trọng báo cáo như sau:

*** Khái quát chung về đặc điểm tình hình**

Huyện Đức Trọng là một trong những địa bàn trọng điểm của tỉnh Lâm Đồng, có diện tích 903,62 km², có 15 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 14 xã, 1 thị trấn), dân số 190.015 người, với 21 dân tộc đang sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số khoảng 33,7% (đồng bào dân tộc gốc Tây nguyên chiếm khoảng 19%).

Tính đến 15/7/2021, Đảng bộ Huyện có 66 tổ chức cơ sở đảng với 4.787 đảng viên; có 24 cơ quan hành chính và 79 đơn vị sự nghiệp thuộc khối Đảng, Mặt trận – đoàn thể, chính quyền huyện.

Tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị huyện đảm bảo theo quy định, đáp ứng được yêu cầu. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đa phần có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, có trình độ, tự giác trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chính trị, tích cực học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Kinh tế của huyện tăng trưởng khá, văn hóa - xã hội đạt được nhiều kết quả, đời sống nhân dân không ngừng nâng lên, quốc phòng - an ninh giữ vững ổn định; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được tăng cường; năng lực tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền huyện, cơ sở có nhiều chuyển biến; vai trò, vị trí của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội được phát huy, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị “*về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”; Kế

hoạch số 139-KH/TU ngày 08/9/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “*về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lâm Đồng*”, Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Trọng đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/HU ngày 29/10/2015, Đề án số 01-ĐA/HU ngày 30/10/2015, Đề án số 01-ĐA/HU ngày 31/8/2018 về tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng- đoàn thể huyện giai đoạn 2015-2021, 2018-2021; UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 47-KH/UBND ngày 27/3/2018 cụ thể hóa lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021, xác định tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu 10% biên chế được giao, trong đó không bao gồm các trường hợp nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định (trừ trường hợp nghỉ thôi việc thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ) để triển khai cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện.

2. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, Nghị quyết số 19-NQ/TW “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”, Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 48-KH/TU, 49-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 94-KH/HU, 95-KH/HU ngày 22/6/2018, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 30/7/2018 để tổ chức triển khai thực hiện.

3. Sau khi có chủ trương và các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh, Huyện ủy, UBND Huyện, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thuộc huyện đã tiến hành tổ chức học tập, quán triệt, chủ động xây dựng các Kế hoạch cụ thể thực hiện tại đơn vị, địa phương. Nhìn chung, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên quán triệt nghiêm túc, sâu sắc Nghị quyết, Kế hoạch, nhận thức rõ về mục tiêu, quan điểm, ý nghĩa, yêu cầu của công tác tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng như việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, từ đó nâng cao trách nhiệm, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động.

4. Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo Ban Tổ chức Huyện ủy, UBND Huyện kiểm tra, giám sát, báo cáo việc thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch trên, kịp thời có sự chỉ đạo, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

1. Một số kết quả cụ thể về sắp xếp tổ chức bộ máy

1.1. Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức

chính trị - xã hội ở địa phương

1.1.1. Các cơ quan hành chính

- Cơ quan tham mưu, giúp việc của Huyện ủy tại thời điểm 20/6/2021 có 05 cơ quan (Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy), không thay đổi so với thời điểm 30/4/2015.

- Cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tại thời điểm 20/6/2021 có 06 cơ quan (Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động), không thay đổi so với thời điểm 30/4/2015.

1.1.2. Đơn vị sự nghiệp công lập

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Huyện ủy tại thời điểm 20/6/2021 có 01 đơn vị (Trung tâm Chính trị Huyện), không thay đổi so với thời điểm 30/4/2015.

1.2. Tổ chức bộ máy các cơ quan của Nhà nước ở địa phương

1.2.1. Về cơ quan hành chính

- Số lượng phòng và tương đương trực thuộc UBND Huyện tại thời điểm 20/6/2021 có 13 đơn vị, giảm 01 đơn vị so với thời điểm 30/4/2015 (14 đơn vị) do giải thể Đội Thanh tra xây dựng Huyện năm 2017.

1.2.2. Về đơn vị sự nghiệp:

- Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Huyện tại thời điểm 20/6/2021 có 78 đơn vị, giảm 02 đơn vị so với thời điểm 30/4/2015 (80 đơn vị) do Đài Truyền thanh - Truyền hình Huyện sáp nhập với Trung tâm Văn hóa Thể thao Huyện thành Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao Huyện và Ban Quản lý rừng phòng hộ Ninh Gia sáp nhập vào Ban Quản lý rừng phòng hộ Đại Ninh.

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện thay thế trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: có 03 đơn vị đã có chủ trương nhưng do điều kiện, tình hình thực tế nên chưa thực hiện.

2. Đánh giá kết quả thực hiện

- Việc rà soát, sắp xếp các cơ quan trực thuộc Huyện ủy, HĐND, UBND, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện được thực hiện theo quy định của Trung ương và gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị khối Đảng – đoàn thể Huyện không thay đổi, khối UBND huyện giảm 01, các đơn vị sự nghiệp giảm 02, số lượng cấp phó trong các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

- Việc thành lập tổ chức mới đối với những trường hợp cá biệt thật sự cần thiết: không có

- Việc chuyển những nhiệm vụ mà cơ quan nhà nước không cần thiết trực tiếp thực hiện hoặc thực hiện không có hiệu quả sang các tổ chức ngoài nhà nước

đảm nhận: không có

- *Việc rà soát, kiện toàn bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo hướng gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực ở địa phương:* Hiện nay, UBND huyện Đức Trọng có 13 phòng chuyên môn không thay đổi theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với việc tinh giản bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc huyện theo hướng tinh gọn về đầu mối, đa lĩnh vực, từng bước chuyển dần các nhiệm vụ không phù hợp sang các cơ quan chuyên môn khác có chức năng liên quan phù hợp hơn, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ: UBND Huyện đã xây dựng các phương án điều chỉnh, kiện toàn một số các phòng, ban theo Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, tuy nhiên vẫn đang xin ý kiến và chờ hướng dẫn của Tỉnh (như việc giải thể phòng Dân tộc huyện,...).

- *Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện các hình thức chuyển đổi phù hợp:* Huyện Đức Trọng đã hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại 04 đơn vị sự nghiệp thành 02 đơn vị sự nghiệp, qua đó giảm được 02 đơn vị sự nghiệp, ngoài ra, thực hiện Quy định số 208-QĐ/TW ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trung tâm Chính trị cấp huyện*”, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy kiêm Giám đốc Trung tâm chính trị Huyện, nên tổng cộng giảm 03 lãnh đạo cấp trưởng, 01 lãnh đạo cấp phó và tinh giản 4 biên chế do sắp xếp tinh giản bộ máy.

Hiện nay, UBND huyện đã ban hành Đề án sáp nhập các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện năm 2021 kèm theo Quyết định 1075/QĐ-UBND ngày 08/6/2021; trong đó, thực hiện sáp nhập 14 trường thành 07 trường đạt tỉ lệ giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý so với năm 2015 (năm 2015: 70 trường, năm 2021 sáp nhập còn 63 trường).

Về việc thực hiện cơ chế khoán kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra: hiện nay Huyện có 03 đơn vị (Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng Huyện, Ban Quản lý Chợ Liên Nghĩa, Trung tâm Phát triển Quỹ đất).

II. Về thực hiện tinh giản biên chế

1. Một số kết quả cụ thể về tinh giản biên chế

1.1. Biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương

- Tổng số người thực tế hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại thời điểm 20/6/2021 là 51 người, giảm so với số thực tế tại thời điểm 30/4/2015 là 30 người (*tỷ lệ 37.04%*), giảm so với số biên chế được giao năm 2015 là 20 người (*tỷ lệ 28.17%*).

- Về cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: (*Biểu số 6, 7 kèm theo*)

- Số lượng viên chức, người lao động làm việc trong các đơn vị sự nghiệp

công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: Không có

- Tình hình biến động về biên chế: Số công chức, viên chức được tuyển mới: 08; số người nghỉ hưu theo chế độ lao động: 10; số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế: 07, biến động: giảm 09 (biểu số 2 kèm theo)

1.2. Biên chế các cơ quan của Nhà nước

1.2.1. Biên chế hành chính

- Tổng số người thực tế hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại thời điểm 20/6/2021 là 101 người, giảm so với số biên chế được giao năm 2015 là 19 người (tỷ lệ 15.83%); tổng số biên chế được giao năm 2021 là 109 người, giảm so với biên chế được giao năm 2015 là 11 người (tỷ lệ 9.17%).

- Về cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức: (Biểu số 6 kèm theo)

1.2.2. Số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (hưởng lương từ ngân sách nhà nước) tại thời điểm 20/6/2021 có: 2340 người, giảm 90 người so với thời điểm 30/4/2021; số biên chế viên chức được giao năm 2021 là 2052 người, giảm so với số được giao năm 2015 (2292 biên chế) là 236 người, (tỷ lệ 10.3 %).

- Về cơ cấu đội ngũ viên chức: (Biểu số 7 kèm theo)

- Số lượng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: chưa có.

1.2.3. Đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố (thời điểm 20/6/2021 với thời điểm 30/4/2015)

- Số cán bộ cấp xã tại thời điểm 20/6/2021 có 161 người, giảm 04 người so với thời điểm 30/4/2015 (tỷ lệ 2.42%).

- Số công chức cấp xã tại thời điểm 20/6/2021 có 141 người, giảm 21 người so với thời điểm 30/4/2015 (tỷ lệ 12.96%)

- Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tại thời điểm 20/6/2021 có 153 người, giảm 87 người so với thời điểm 30/4/2015 (tỷ lệ 36.25%); số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tại thời điểm 20/6/2021 có 149 người, giảm 27 người so với thời điểm 30/4/2015 (tỷ lệ 15.34%).

1.2.4. Biến động về biên chế (từ 30/4/2015 đến 20/6/2021):

- Số công chức, viên chức được tuyển mới: 697 người.

- Số người nghỉ hưu theo chế độ lao động: 341 người.

- Số người nghỉ theo chính sách tinh giản biên chế: 35 người.

2. Đánh giá việc thực hiện tinh giản biên chế

- Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND Huyện đã ban hành Kế hoạch, Đề án

thực hiện, trong đó cụ thể hóa lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2015 – 2021, xác định tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu 10% biên chế được giao để triển khai cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Nhìn chung, kết quả thực hiện (kể cả khối Đảng, đoàn thể và khối Nhà nước) đều đúng theo lộ trình, đảm bảo tỷ lệ, quy định và hướng dẫn. Tính đến 20/6/2021:

+ Khối Đảng – đoàn thể Huyện: đã thực hiện tinh giản 15/71 biên chế, đạt 21.2%.

+ Khối hành chính Nhà nước: đã thực hiện tinh giản 12/121 biên chế, đạt ~ 10%.

+ Khối sự nghiệp Nhà nước: đã thực hiện tinh giản 236/2292 biên chế, đạt 10.3%.

- Việc quản lý biên chế công chức, viên chức được thực hiện theo quy định, có sự thống nhất, đồng bộ với tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, gắn với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm biên chế công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Việc tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế hiện có khi phải thành lập tổ chức mới hoặc được giao nhiệm vụ mới: không có

- Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập kể cả khối Đảng, đoàn thể và khối Nhà nước Huyện được xây dựng theo hướng dẫn và được Tỉnh phê duyệt năm 2018. Trên cơ sở đó, Huyện đã triển khai thực hiện đúng và đảm bảo.

- Về tuyển dụng công chức, viên chức mới: thực hiện theo các quy định của Đảng và pháp luật của nhà nước.

+ Đối với công tác tuyển dụng công chức: thực hiện theo Kế hoạch tuyển dụng của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Lâm Đồng, từ năm 2015 đến nay đã tuyển 63 công chức cấp huyện làm việc tại cơ quan Huyện ủy, cơ quan Huyện Đoàn và các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện.

+ Đối với công tác tuyển dụng viên chức: thực hiện theo Luật Viên chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 hướng dẫn tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc làm; Thông tư số 16/2012/TT-BNV Ban hành quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; quy chế thi thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức và các Thông tư liên quan, văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng. Cả huyện là một đơn vị tuyển dụng, sau khi tuyển dụng xong phân công về các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Từ năm 2015 đến nay đã tuyển dụng 642 viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

- Việc chuyển đổi số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: tại huyện có 03 đơn vị

sự nghiệp đã có chủ trương trên, nhưng hiện do tình hình, điều kiện thực tế vẫn chưa thực hiện được.

3. Về nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế

- Về nguồn kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế: thực hiện theo quy định do ngân sách của Tỉnh bảo đảm.

- Việc chi trả phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện thực hiện theo Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Lâm Đồng.

III. Về xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế

1. Về xây dựng cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Việc sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo Đề án được phê duyệt của Tỉnh, trong đó xác định rõ ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo, trên cơ sở đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; độ tuổi, tỷ lệ nữ, người dân tộc thiểu số được huyện quan tâm và lưu ý.

- Việc bổ nhiệm các chức danh, chức vụ công chức, viên chức được thực hiện theo đúng thẩm quyền phân cấp, trong đó đặc biệt chú trọng về phẩm chất, trình độ và năng lực thực tế của cán bộ, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

- Việc thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh: thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, huyện Đức Trọng đã thực hiện nhất thể hóa chức danh Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy kiêm Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện (từ tháng 4/2017) và thực hiện chủ trương Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện (từ tháng 12/2018).

- Việc giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách cấp xã khi hết nhiệm kỳ mà không đủ điều kiện tái cử được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định. Từ năm 2015 đến nay huyện đã giải quyết 06 trường hợp theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ.

- Về việc thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn và tổ dân phố theo Kết luận số 64- KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI được khuyến khích để giảm số lượng người làm việc và hỗ trợ thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 188/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND Tỉnh. Hiện nay, huyện có 52 trường hợp kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách cấp xã, 195 trường hợp kiêm nhiệm ở thôn, tổ dân phố.

Việc thực hiện mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố: có 155/176 thôn, tổ dân phố thực hiện với 22 mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư.

2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế

- Công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định, gắn liền và thống nhất với quản lý biên chế. Công tác đánh giá công chức, viên chức thực hiện đúng theo nguyên tắc cấp trên đánh giá cấp dưới, người đứng đầu đánh giá những người thuộc quyền quản lý, cấp trên trực tiếp đánh giá người đứng đầu. Phương thức, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý theo hướng đề cao trách nhiệm của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định trên cơ sở tiêu chuẩn, điều kiện và kết quả công việc.

- Việc thu hút người có tài vào làm việc tại các cơ quan của Đảng, Nhà nước được Huyện sớm đặc biệt quan tâm. Từ năm 2011 Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/HU về đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn huyện định hướng đến năm 2020, trong đó có nội dung giải pháp: ưu tiên tuyển chọn các sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, người có trình độ trên đại học về công tác tại huyện, tăng cường công tác phối hợp đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho các ngành, nhất là các lĩnh vực kinh tế trọng yếu, có lợi thế; đồng thời thực hiện tốt cơ chế chính sách của nhà nước, tạo môi trường làm việc thuận lợi nhằm thu hút nguồn nhân lực có trình độ về công tác tại địa phương... Hiện nay huyện đang chuẩn bị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết và có Kế hoạch xây dựng Nghị quyết mới phù hợp hơn với tình hình thực tế của địa phương.

- Cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính được thực hiện và phát huy hiệu quả, hàng năm các cơ quan chủ động tiết kiệm các khoản chi không cần thiết để chi khen thưởng, chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với tiêu chuẩn chức danh được Huyện quan tâm thực hiện thường xuyên. Hàng năm, ngoài việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi học các lớp do Trung ương, Tỉnh chiêu sinh, huyện chủ động liên hệ, liên kết và phối hợp với các trường Đại học, Trường Chính trị Tỉnh và các Trung tâm để mở thêm các lớp đào tạo, bồi dưỡng học trực tiếp tại huyện như: các lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng,...qua đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho một số lượng đông cán bộ, công chức, viên chức của huyện được tham gia học tập trung và đầy đủ.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Ưu điểm và nguyên nhân

1. Ưu điểm

-Sau khi có các Nghị quyết, Kế hoạch và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, Huyện đã kịp thời, nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt và chủ động xây dựng được các Kế hoạch, Đề án để triển khai thực hiện, tạo được sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cơ quan, đơn vị, đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức thuộc Huyện.

- Công tác rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, ổn định gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Việc tinh giản biên chế được thực hiện đúng tỷ lệ (khối Đảng, đoàn thể: 21.2%, khối Nhà nước: hành chính 10%; sự nghiệp 10.3%), theo lộ trình Kế hoạch đã đề ra, các chế độ, chính sách đảm bảo theo quy định.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhìn chung đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị, từng bước được trẻ hoá, có sự phân công phụ trách theo từng lĩnh vực, hạn chế dần việc chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm từ khâu tuyển chọn, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm,... nên chất lượng ngày càng được nâng lên, đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2. Nguyên nhân của ưu điểm

- Việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị Quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương là chủ trương đúng, phù hợp với yêu cầu cải cách trong thời kỳ mới và cần phải được thực hiện nên được các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức hưởng ứng, chấp hành, triển khai thực hiện, nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Sự chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể của các ngành cấp trên; sự tập trung, tích cực lãnh chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự quyết tâm, nỗ lực thực hiện của cả hệ thống chính trị huyện đã giúp huyện đạt được các kết quả tích cực nêu trên.

- Thường xuyên có sự kiểm tra, báo cáo việc thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch trên, kịp thời có sự chỉ đạo, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình địa phương trong từng giai đoạn.

II. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân

1. Hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị Quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương vẫn còn những hạn chế, vướng mắc như sau:

- Việc tổ chức thực hiện sáp nhập các phòng, ban thuộc huyện còn gặp vướng mắc liên quan đến các văn bản hướng dẫn (việc giải thể phòng Dân tộc huyện).

- Công tác kiện toàn cán bộ lãnh đạo, quản lý của một số phòng, ban, đơn vị có lúc chưa kịp thời nên phần nào ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế của Huyện hiện nay chủ yếu trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và không đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn, số tinh giản do sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn ít; tinh giản phần lớn thực hiện theo nguyện vọng cá nhân, chưa đi vào thực chất tinh giản theo yêu cầu nhiệm vụ. Số lượng biên chế xác định tinh giản chủ yếu là nghỉ hưu đúng tuổi.

- Biên chế khối Đảng, Mặt trận – đoàn thể Huyện giảm nhiều ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ không cao.

- Vị trí việc làm của cán bộ, công chức cấp xã là theo từng chức danh nên gặp khó khăn trong việc tinh giản biên chế 10% đối với cấp xã. Ngoài ra, tại một số xã, một số chức danh đặc thù chưa có điều kiện phân công kiêm nhiệm được.

- Việc tinh giản biên chế tại các đơn vị sự nghiệp trường học khó thực hiện đảm bảo theo tỷ lệ quy định, các trường học đều thiếu biên chế so với định mức, gặp nhiều khó khăn trong công tác bố trí, sử dụng đội ngũ, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các hoạt động giáo dục trong nhà trường, nhất là việc triển khai dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh gọn bộ máy chưa đầy đủ, còn ngại khó, ngại khổ, chưa quyết liệt trong thực hiện.

- Tính tích cực, chủ động đi sâu nghiên cứu, đề xuất các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị còn hạn chế.

- Các tiêu chí đánh giá còn chung chung, chưa thật sự sát với kết quả thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Quy mô lớp, học sinh hằng năm đều tăng, năm học 2021-2022 (tăng 34 lớp so với năm học 2015-2016), toàn ngành thiếu khoảng 142 biên chế so với định mức số lượng người làm việc; tuy nhiên vẫn phải thực hiện cắt giảm biên chế theo quy định, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến quá tải học sinh/ lớp tại các trường học do phải co giảm lớp. Việc thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo tỷ lệ và việc thực hiện các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục đào tạo còn có vướng mắc, gặp khó khăn trong thực hiện.

- Một số xã, thị trấn chưa chủ động, chậm trong việc xây dựng Đề án tinh gọn các chức danh người hoạt động không chuyên trách, thực hiện Đề án trưởng thôn kiêm Bí thư chi bộ hoặc Trưởng Ban Công tác Mặt trận.

III. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, phải làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, quan điểm, ý nghĩa, yêu cầu của công tác tinh giản biên

chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tạo sự thống nhất, đồng thuận và quyết tâm thực hiện của cả hệ thống chính trị.

Hai là, phải xây dựng được Kế hoạch, Đề án cụ thể để thực hiện các Nghị quyết trên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của đơn vị, địa phương; phải bố trí đủ nguồn lực cần thiết, có cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện.

Ba là, quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế phải đồng bộ, công khai, dân chủ, minh bạch, thận trọng, không nóng vội; phải đánh giá đúng thực chất, lấy quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức làm cơ sở; vừa sắp xếp tinh gọn bộ máy nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động chung của các cơ quan, đơn vị.

Bốn là, phải thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Xác định và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo và thực hiện Kế hoạch đề ra.

D. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, thực hiện quyết liệt các nội dung theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW về *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*, Nghị quyết số 19-NQ/TW *“về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”* của Ban chấp hành Trung ương, các Kế hoạch của Tỉnh, Huyện và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc Huyện theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực ở địa phương; rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thực hiện việc thay thế trả lương từ ngân sách bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, nhân sự.

4. Tiếp tục sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo đảm bảo cơ cấu. Thực hiện việc bổ nhiệm các chức danh, chức vụ công chức, viên chức theo thẩm quyền trong đó chú trọng phẩm chất, trình độ, năng lực thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ.

5. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với những cán bộ công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định, những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức.

6. Tiếp tục thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh không chuyên trách ở cấp xã, thôn và tổ dân phố theo Kết luận số 64-KL/TW để giảm số người làm việc và hỗ trợ thu nhập tăng thêm theo quy định tại Nghị quyết HĐND Tỉnh.

7. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết. Định kỳ sơ kết, tổng kết, tìm ra những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả để phổ biến, nhân rộng; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những nơi thực hiện tốt đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

E. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét:

1. Điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của Huyện ủy Đức Trọng như theo đề nghị tại Tờ trình số 20-TTr/HU ngày 12/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Trọng, tạo điều kiện cho các cơ quan khối Đảng, Mặt trận – đoàn thể huyện Đức Trọng ổn định tổ chức, thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Điều chỉnh giao 04 chỉ tiêu biên chế thay cho 04 Hợp đồng 68/2000/NĐ-CP theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ để tăng số biên chế thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đảm bảo cho các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

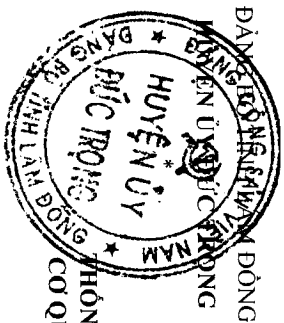
3. Do quy mô lớp học tăng và để đảm bảo tốt cho việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trong thời gian tới, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến với UBND tỉnh trong việc giao biên chế cho các trường học theo năm học, tăng biên chế cho ngành giáo dục huyện Đức Trọng, cụ thể năm học 2021-2022: bậc mầm non thiếu 12 biên chế, bậc tiểu học thiếu 61 biên chế, bậc THCS thiếu 69 biên chế./.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Ban Tổ chức Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**





BIỂU SỐ 1

**PHÒNG KẾ SỔ LIỆU BIÊN CHẾ (NGƯỜI HƯỚNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)
CƠ QUAN ĐĂNG, MẬT TRẦN TỎ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG**
(Kèm theo Báo cáo số **V2** -BC/HU, ngày **30** /11/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015	Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015					Số được giao năm 2021	Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021					Ghi chú
			Tổng số	Công chức	Biên chế sự nhiệp	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác		Tổng số	Công chức	Biên chế sự nhiệp	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
III	Cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp huyện (1+2+3+4)	71	81	58	2	5	16	56	51	45	2	4	0	
1	Lãnh đạo huyện	2	2	2				2	2	2				
2	Cơ quan Đảng	33	38	29	0	4	5	29	27	23	0	4	0	
2,1	Văn phòng	11	15	9		4	2	11	11	7		4		
2,2	Ban Tổ chức	6	7	6			1	5	5	5				
2,3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra	6	7	6			1	5	4	4				
2,4	Ban Tuyên giáo	5	5	4			1	4	3	3				
2,5	Ban Dân vận	5	4	4				4	4	4				
3	BVSN trực thuộc huyện ủy	4	6	1	2	1	2	2	2	0	2	0	0	
3,1	Trung tâm Chính trị	4	6	1	2	1	2	2	2		2			
3,2	Đơn vị sự nghiệp khác (nếu có)		0						0					
4	MTTQ và các tổ chức CT-XH	32	35	26	0	0	9	23	20	20	0	0	0	
4,1	Mặt trận Tổ quốc	9	10	9			1	6	6	6				
4,2	Đoàn TNCS HCM	6	8	2			6	4	2	2				
4,3	Liên đoàn Lao động	3	3	3				3	3	3				

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015	Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015					Số được giao năm 2021	Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
			Tổng số	Công chức	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác		Tổng số	Công chức	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68	
4,4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	5	5	4			1	4	3	3			
4,5	Hội Nông dân	6	6	5			1	4	4	4			
4,6	Hội Cựu chiến binh	3	3	3				2	2	2			

Người lập biểu



Trần Thị Hải Yến
Sdt: 0985.589.555



BIỂU SỐ 2

TUYÊN DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIÀN BIÊN CHẾ CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH Ở ĐỊA PHƯƠNG
(TUYÊN DỰNG, NGHỊ HỮU DỨNG TUỔI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIÀN BIÊN CHẾ)

(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

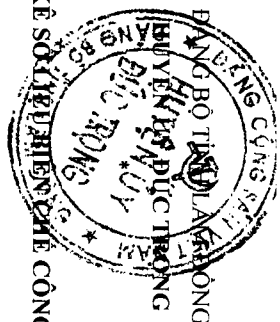
30/4/2015 - 30/6/2021															
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Tuyển dụng, tiếp nhận				Các trường hợp hưởng chính sách tình gián biên chế theo Nghị định của Chính phủ								Biến động	Ghi chú
		Tổng	Thi tuyển	Xét tuyển		Nghỉ hưu đúng tuổi	Tổng	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Lãnh đạo quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.	Các trường hợp khác		
				Thủ khoa, nhà khoa học	Có 5 năm kinh nghiệm...										
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II	Cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp huyện (1+2+3)	8	3	0	5	10	7	1	0	4	1	0	1	9	
1	Cơ quan Đảng	4	1	0	3	6	2	0	0	0	1	0	1	4	
1,1	Văn phòng	3			3	2	1				1			0	
1,2	Ban Tổ chức	0				2	0							2	
1,3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra	0				1	0							1	
1,4	Ban Tuyên giáo	1	1			1	0							0	
1,5	Ban Dân vận	0					1						1	1	
2	ĐVSN trực thuộc huyện ủy	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	
2,1	Trung tâm Chính trị huyện	0					1			1				1	

30/4/2015 - 30/6/2021																	
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Tuyển dụng, tiếp nhận					Nghỉ hưu đúng tuổi	Các trường hợp hưởng chính sách tính gián biên chế theo Nghị định của Chính phủ							Biến động	Ghi chú	
		Tổng	Thi tuyển	Xét tuyển		Tổng		Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Lãnh đạo quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.	Các trường hợp khác				
				Thủ khoa, nhà khoa học	Có 5 năm kinh nghiệm...												
2,2	Đơn vị sự nghiệp khác (nếu có)	0						0								0	
3	MTTQ và các tổ chức CT-XH	4	2	0	2	4	0	4	0	3	0	0	0	0	0	4	
3,1	Mặt trận Tổ quốc	0				2		2	1	1						4	
3,2	Đoàn TNCS HCM	2	2					0								-2	
3,3	Liên đoàn Lao động	0				1		0								1	
3,4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	0						1		1						1	
3,5	Hội Nông dân	2			2			1		1						-1	
3,6	Hội Cựu chiến binh	0				1		0								1	

Người lập biểu



Trần Thị Hải Yến
SĐT: 0985.589.555



BIỂU SỐ 3

THÔNG KÊ SƠ LƯỢC MIỄN CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH (NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

THUỘC KHỐI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỰ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN

(Kèm theo Báo cáo số 8L -BC/HU, ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

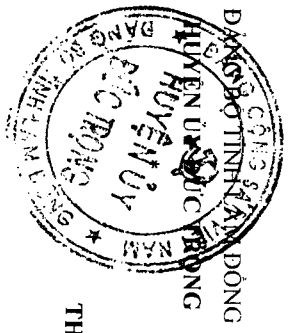
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015		Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015				Số được giao năm 2021		Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (I+II)														
1	Huyện Đức Trọng	1		1	1			3		3	3			
	Thường trực	1		1	1			1		1	1			
	Ban Pháp chế							1		1	1			
	Ban Kinh tế - xã hội							1		1	1			
B ỦY BAN NHÂN DÂN (I+II)														
1	Huyện Đức Trọng	119	0	156	102	5	49	106	8	98	90	8	0	
-	Lãnh đạo UBND huyện ...	4		4	4			4		3	3			
1.1	Phòng Dân tộc	3		6	3		3	2		2	2			
1.2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	9		12	7		5	11		9	9			
1.3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	13		12	11		1	11	1	11	10	1		
1.4	Phòng Lao động - TBXH	9		10	8		2	8		7	7			
1.5	Phòng Nội vụ	10		10	9		1	9		8	8			
1.6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	8		8	6		2	8		6	6			

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015		Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015				Số được giao năm 2021		Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	Công chức	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Công chức	Hợp đồng 68	*Hợp đồng khác	
1.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	12		15	10		5	10	1	11	10	1		
1.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	11		19	11		8	10		8	8			
1.9	Phòng Tư pháp	5		4	4			4		3	3			
1.10	Phòng Văn hóa và Thông tin	5		8	4		4	5		3	3			
1.11	Phòng Y tế	5		4	4			3		2	2			
1.12	Thanh tra huyện	8		12	6		6	8	1	8	7	1		
1.13	Văn phòng UBND, UBND cấp huyện	13		25	11	5	9	13	5	17	12	5		
1.14	Đội Thanh tra xây dựng	4		7	4		3			0				

Người lập biểu



Trần Thị Hải Yến
SĐT: 0985.589.555



BIỂU SỐ 4

THÔNG KÊ SỐ LIỆU BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP, NGƯỜI LAO ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC KHỐI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỰ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN

(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số được giao năm 2015		Số thực tế tại thời điểm 30/4/2015						Số được giao năm 2021		Số thực tế tại thời điểm 30/6/2021						Ghi chú
		Số người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Biên chế sự nghiệp		HD 68	*Hợp đồng khác	Số người làm việc	HD 68 (nếu có)	Tổng số	Biên chế sự nghiệp		HD 68	*Hợp đồng khác			
					Hưởng lương NSNN	Từ nguồn thu sự nghiệp						Hưởng lương NSNN	Từ nguồn thu sự nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
I	Huyện Đức Trọng	2430	140	2397	1827		140	430	2214	138	2340	2104	0	146	90			
1	Giáo dục và đào tạo	2292	138	2259	1722		138	399	2091	136	2220	1994		136	90			
2	Giáo dục nghề nghiệp	26	2	26	24		2		23	2	23	21		2				
3	Y tế			0							0							
4	Khoa học và công nghệ			0							0							
5	Văn hóa, thể thao và du lịch	12		12	10			2	19		24	19		5				
6	Thông tin và truyền thông	9		9	6			3			0							
7	Sự nghiệp khác	91		91	65			26	81		73	70		3				

Người lập biểu

Trần Thị Hải Yến

Trần Thị Hải Yến
Sdt: 0985.589.555



BIỂU SỐ 5

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ KHÔI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TỰ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN
(TUYÊN DÙNG, NGHỊ HỮU ĐÚNG TUỔI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIÀN BIÊN CHẾ)

(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

30/4/2015 - 30/6/2021															
TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc	Tuyển dụng, tiếp nhận				Nghỉ hưu đúng tuổi	Các trường hợp hưởng chính sách tình giãn biên chế theo Nghị định của Chính phủ							Biến động	Ghi chú
		Tổng	Thí tuyển	Xét tuyển			Tổng	Do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự	Do cơ cấu lại theo vị trí việc làm	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn	Do phân loại, đánh giá	Lãnh đạo quản lý thời giữ chức vụ do sắp xếp TCBM.	Các trường hợp khác		
				Thủ khoa, nhà khoa học	Có 5 năm kinh nghiệm...										
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	KHÔI HÀNH CHÍNH (I+II)														
I	Hội đồng nhân dân (1+2)														
2,1	Huyện Đức Trọng														
II	Ủy ban nhân dân (1+2)														
2,1	Huyện Đức Trọng	55	47		8	11	9			3	6			-35	
B	KHÔI SỰ NGHIỆP (I+II+III+IV)														
IV	DVSN thuộc huyện	642	608	0	34	330	26	0	0	8	7	0	11	-286	
I	Giáo dục và đào tạo	607	607			326	15			4			11	-266	
2	Y tế														
3	Dạy nghề ...	1	1			1								0	
4	Khoa học và công nghệ														
5	Thông tin và truyền thông	7			7	1	2			1	1			-4	
6	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	27			27	2	9			3	6			-16	

Người lập biểu

(Signature)

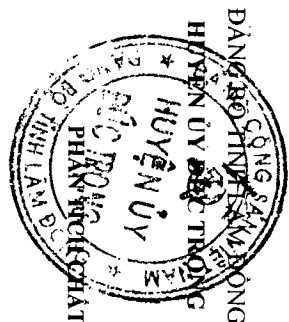
Trần Thị Hải Yến
Sdt: 0985.589.555

STT	Nội dung	Số liệu tính tại thời điểm 30/4/2015						Số liệu tính tại thời điểm 30/6/2021						Ghi chú
		Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp tỉnh			Cấp huyện			
		Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối chính quyền	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối chính quyền	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối chính quyền	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT-XH	Khối chính quyền	
-	Thạc sĩ				2						7	1	22	
-	Đại học				30	27	130				16	17	70	
-	Cao đẳng						15				2			
-	Khác				8	8	12				4	2	9	
5	Trình độ lý luận chính trị:													
-	Cao cấp, cử nhân				19	10	23				11	7	15	
-	Trung cấp				5	9	21				13	11	58	
-	Sơ cấp						5							
6	Độ tuổi:				40	35	157				29	20	101	
-	Từ 30 trở xuống				6	8	35						3	
-	Từ 31-40 tuổi				20	10	72				15	7	30	
-	Từ 41-50 tuổi				5	10	34				11	4	62	
-	Từ 51-60 tuổi				9	7	16				3	7	6	
-	Trên 60 tuổi											2		

Người lập biểu



Trần Thị Hải Yến
SĐT: 0985.589.555



BIỂU SỐ 7

TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

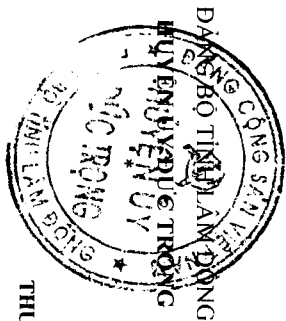
STT	Nội dung	Số liệu tính tại thời điểm 30/4/2015						Số liệu tính tại thời điểm 30/6/2021						Ghi chú
		Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp tỉnh			Cấp huyện			
		Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khởi Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khởi Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khởi Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khởi Chính quyền địa phương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số				6	0	2397				2	0	2340	
-	Viên chức				3		1827				2		2104	
-	Hợp đồng 68				1		140						146	
-	Hợp đồng khác*				2		430						90	
1	Theo cơ cấu nữ, dân tộc													
-	Nữ				1		1826				1		1671	
-	Dân tộc thiểu số						300						306	
2	Theo chức danh nghề nghiệp viên chức						2397						2340	
-	Hạng I													
-	Hạng II				3		1096				2		1133	
-	Hạng III						909						865	
-	Hạng IV				2		392						342	
-	Hạng V													
3	Học hàm													
-	Giáo sư													
-	Phó giáo sư													
4	Trình độ chuyên môn						2397						2340	

STT	Nội dung	Số liệu tính tại thời điểm 30/4/2015						Số liệu tính tại thời điểm 30/6/2021						Ghi chú
		Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp tỉnh			Cấp huyện			
		Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối Chính quyền địa phương	Cơ quan Đảng	MTTQ và các tổ chức CT- XH	Khối Chính quyền địa phương	
-	Tiến sĩ						1						1	
-	Thạc sĩ						1124				2		17	
-	Đại học				4		923						1539	
-	Cao đẳng				2		349						510	
-	Khác												273	
5	Trình độ lý luận chính trị:				3		58				2		5	
-	Cao cấp, cử nhân												243	
-	Trung cấp												3	
-	Sơ cấp						2397						2340	
6	Độ tuổi:						536						507	
-	Từ 30 trở xuống				1		887						829	
-	Từ 31-40 tuổi				1		665				1		736	
-	Từ 41-50 tuổi				3		309				1		268	
-	Từ 51-60 tuổi				1									
-	Trên 60 tuổi													

Người lập biểu



Trần Thị Hải Yến
Sdt: 0985.589.555



Phụ lục số 1

TỔNG HỢP SÁP XẾP CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, CẤP PHÓ THUỘC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ, TỔ CHỨC CT - XH VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

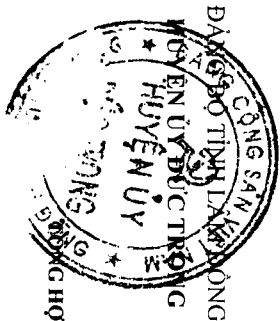
(Kèm theo Báo cáo số 92 -BC/HU, ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

Đơn vị tính: Tỷ chức

STT	Tổ chức hành chính	Số lượng tại thời điểm 30/4/2015		Số lượng tại thời điểm 30/6/2021		Tăng/giảm (+/-)		Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	Số lượng tổ chức	Số lượng cấp phó	
1	2	3	4	6	7	9	10	12
I	CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT - XH Ở ĐỊA PHƯƠNG							
4	Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ở cấp huyện	5	8	5	7	0	-1	- Giảm số lượng cấp phó 01: theo Đề án vị trí việc làm
5	Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc MTTQ và các tổ chức CT-XH ở cấp huyện	6	8	6	7	0	-1	- Giảm số lượng cấp phó 01: theo Đề án vị trí việc làm
II	KHỐI CHÍNH QUYỀN							
3	Phòng và tương đương trực thuộc HĐND và UBND cấp huyện	14	17	13	19	-1	2	- Giảm 01 đơn vị: Giải thể Đội Thanh tra xây dựng năm 2017 - Tăng số lượng cấp phó 02: thay đổi số lượng cấp phó của các phòng, đơn vị

Người lập biểu

Trần Thị Hai Yến
Sdt: 0985.589.555



Phụ lục số 2

HỢP SÁP XẾP ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ, TỔ CHỨC CT - XH VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

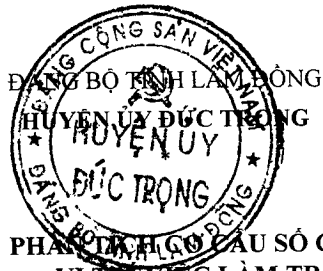
(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

Đơn vị tính: Tổ chức

STT	ĐƠN VỊ	Tại thời điểm 30/4/2015		Tính đến thời điểm 30/6/2021				Tăng/giảm (+/-)		Ghi chú (ghi rõ lý do tăng, giảm)
		Số DVSN trả lương từ ngân sách	số người làm việc và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách	Số DVSN trả lương từ ngân sách	số người làm việc và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách	Số DVSN đã thực hiện thay thế trả lương từ nguồn thu sự nghiệp	Số người làm việc và hợp đồng lao động đã thực hiện thay thế trả lương từ NS bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp	Số DVSN trả lương từ ngân sách (9 = 5 - 3)	số người làm việc và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách (10 = 6 - 4)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Khoá Đảng, MTTQ và các tổ chức CT-XH									
4	Số DVSN trực thuộc cấp ủy cấp huyện	1	6	1	2			0	-4	- Giám số lương biên chế và người làm việc theo Đề án vị trí việc làm và không HDLD
II	Khoá chính quyền địa phương									
3	Số DVSN trực thuộc UBND, HĐND cấp huyện	80	2397	78	2340			-2	-57	- Giám 02 đơn vị do sáp nhập (Đài Truyền thanh - Truyền hình Huyện sáp nhập với Trung tâm Văn hóa Thể thao Huyện thành Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao Huyện, BQLRPH Ninh Gia sáp nhập vào BQLRPH Đại Ninh) - Giám số lương biên chế và người làm việc: sáp xếp lại theo Đề án vị trí việc làm, giảm HDLD

Người lập biểu

Trần Thị Hải Yến
Sdt: 0985.589.555



BIỂU SỐ 8

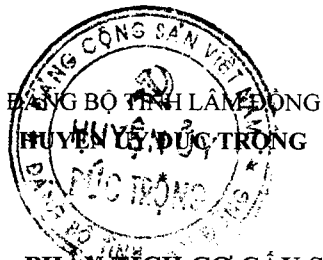
PHÂN TÍCH CƠ CẤU SỐ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO PHÂN LOẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH THUỘC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH Ở ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30 /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/4/2015				Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Lãnh đạo huyện	2				2				
1	Cơ quan Đảng	16	0	14	8	13	0	8	6	
1.1	Văn phòng	3		4	8	3		2	6	
1.2	Ban Tổ chức	3		4		2		3		
1.3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra	6		1		4				
1.4	Ban Tuyên giáo	2		3		2		1		
1.5	Ban Dân vận	2		2		2		2		
2	MTTQ và các tổ chức CT-XH	15	0	17	3	13	0	6	1	
2.1	Mặt trận Tổ quốc	4		4	2	3		2	1	
2.2	Đoàn TNCS HCM	2		5	1	2				
2.3	Liên đoàn Lao động	1		2		2		1		
2.4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	2		3		2		1		
2.5	Hội Nông dân	3		3		2		2		
2.6	Hội Cựu chiến binh	3				2				

Người lập biểu

Trần Thị Hải Yến
Sdt: 0985.589.555



BIỂU SỐ 9

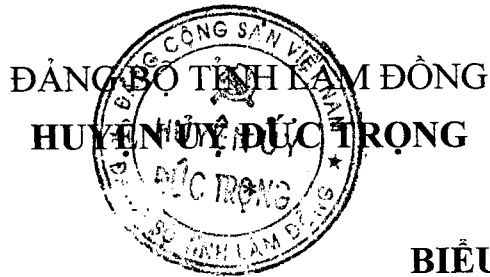
PHÂN TÍCH CƠ CẤU SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC THEO PHÂN LOẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC KHÖI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30 /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/4/2015				Theo tính chất, nội dung công việc tại thời điểm 30/6/2021				Ghi chú
		Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số người làm việc theo VTVL lãnh đạo quản lý	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	Số người làm việc theo VTVL nghiệp vụ chuyên môn chung	Số người làm việc theo VTVL hỗ trợ, phục vụ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	HĐND (từ cấp huyện trở lên)									
2.1	Huyện Đức Trọng	1				3				
II	UBND từ cấp huyện trở lên									
2.1	Huyện Đức Trọng	31	55	44	26	26	32	22	18	
...	...									

Người lập biểu

Trần Thị Hải Yến
Sdt: 0985.589.555



BIỂU SỐ 10

Thống kê số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Báo cáo số 82 -BC/HU, ngày 30 /7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

STT	Đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn)	Số liệu thực tế tại thời điểm		Ghi chú
		30/4/2015	30/6/2021	
1	Số lượng đơn vị hành chính cấp xã	15	15	
2	Cán bộ cấp xã	165	161	
3	Công chức cấp xã	162	141	
4	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	240	153	
5	Số thôn, tổ dân phố	176	149	
6	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (bao gồm tất cả những người được hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước và ngân sách của địa phương)	621	496	

Người lập biểu

Trần Thị Hải Yến
SĐT: 0985.589.555

